

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31 /TB-THADSKV3

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

**THÔNG BÁO**

**Công khai về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Căn cứ Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016; khoản 2 Điều 101 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

Căn cứ Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 02/2023/QĐCNHGT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 14/QĐ-CCTHADS ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 43/QĐ-CCTHADS ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh).

Căn cứ kết quả thẩm định giá số 231/2025/CT/S-171202 ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá – Dịch vụ Nghĩa Hưng;

Do thi hành phần Bản án, quyết định quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự, nên Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh cần lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản đã kê biên như sau:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá**

Tên người có tài sản đấu giá: Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ: Tổ dân phố An Phong, phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh

**2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng tài sản đấu giá để thi hành án**

2.1. Quyền sử dụng đất diện tích 350m<sup>2</sup> (bao gồm 150m<sup>2</sup> đất ở, 200m<sup>2</sup> đất vườn) và toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích 350m<sup>2</sup> đất kê biên tại thửa đất số 397, tờ bản đồ số 39; địa chỉ thửa đất: thôn Hạ, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (Diện tích 350m<sup>2</sup> đất kê biên là một phần diện tích của thửa đất 397, tờ bản đồ số 39, địa chỉ thửa đất: thôn Hạ, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, có tổng diện tích 940m<sup>2</sup>) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 004857, vào sổ cấp GCN QSD đất số 01071 QSDĐ/339/CT Q11-T113, do UBND huyện Tân Yên cấp ngày 10/01/1997 cho ông Giáp Văn Thành, đã thừa kế

và phân chia tài sản chung cho bà Nguyễn Thị Quế theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 07/3/2022 được UBND xã Cao Xá chứng thực, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tân Yên đăng ký biến động ngày 09/5/2022.

Hình thù phần diện tích đất 350m<sup>2</sup> kê biên được xác định là các điểm: 1-2=9,88m; 2-3=15,41m (phía đông giáp đường thôn); 3-20=12,21m (phía nam giáp đất bà Quế); 20-15=18,10m (phía tây giáp đất bà Quế); 15-16=0,29m (giáp đất ông Ngưỡng); 16-17=0,29m (giáp đất ông Ngưỡng); 17-18=5,90m (phía bắc giáp đất ông Ngưỡng); 19-19=2,15m (phía bắc giáp đất ông Ngưỡng); 19-1=12,65m (phía bắc giáp đất ông Ngưỡng). Và toàn bộ tài sản, công trình xây dựng, cây cối lâm lộc gắn liền với diện tích đất kê biên theo biên bản kê biên.

**Giá thẩm định tài sản là: 616.465.000đồng** (Sáu trăm mười sáu triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn).

**2.2. Giá khởi điểm là: 616.465.000đồng** (Sáu trăm mười sáu triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn).

### 3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức tổ chức đấu giá tài sản:

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 56 Luật Đấu giá tài sản và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp, cụ thể:

**\* Tiêu chí đánh giá chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

| TT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                | MỨC TỐI ĐA         |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                               |                    |
| 1.        | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                          | Đủ điều kiện       |
| 2.        | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                    | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b> | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                   | <b>19,0</b>        |
| 1.        | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                          | <b>10,0</b>        |
| 1.1       | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                             | 5,0                |
| 1.2       | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                                    | 5,0                |
| 2.        | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                | <b>5,0</b>         |
| 2.1       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)              | 2,0                |
| 2.2       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                              | 3,0                |
| 3.        | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b><br><b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin</b> | <b>2,0</b>         |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                         | MỨC TỐI ĐA |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | <i>điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>                                                                                                                          |            |
| 4.  | <i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>                                                          | 1,0        |
| 5.  | <i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>                                                                                                                                                                              | 1,0        |
| III | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                     | 16,0       |
| 1.  | <i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>                                                                                               | 4,0        |
| 1.1 | <i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                                                                       | 2,0        |
| 1.2 | <i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                                                               | 2,0        |
| 2.  | <i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>                                                          | 4,0        |
| 3.  | <i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>                                                                                                        | 4,0        |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>                                                                                                                                                                | 2,0        |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>                                                                                                                 | 2,0        |
| 4.  | <i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>                                                 | 4,0        |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                     | 57,0       |
| 1.  | <i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>                                        | 15,0       |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                      | 12,0       |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                               | 13,0       |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                               | 14,0       |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>                                                                                                                                                                                | 15,0       |
| 2.  | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>                                                                                                         | 7,0        |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>                                                                                                                        | 4,0        |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                                                   | 5,0        |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                                                   | 6,0        |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>                                                                                                                                                                          | 7,0        |
| 3.  | <i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu)</i> | 7,0        |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | MỨC TỐI ĐA |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |            |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4,0        |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5,0        |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6,0        |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7,0        |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm.<br>Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3,0        |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0        |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>$Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$                                                                                                                                                                                                        |            |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: $Số\ điểm\ của\ C = (V \times 3) / Y$                                                                                                                                                                               |            |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                  | 7,0        |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 5 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4,0        |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5,0        |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6,0        |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7,0        |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0        |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2,0        |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3,0        |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4,0        |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP</b>                                                                                                                                                                            | 4,0        |

| TT                  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | MỨC TỐI ĐA |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|                     | ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                          |            |
| 7.1                 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2,0        |
| 7.2                 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3,0        |
| 7.3                 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,0        |
| 8.                  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,0        |
| 8.1                 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3,0        |
| 8.2                 | Có từ 1 đến 3 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4,0        |
| 8.3                 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5,0        |
| 9.                  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0        |
| 9.1                 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3,0        |
| 9.2                 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4,0        |
| 9.3                 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5,0        |
| V                   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8,0        |
| 1.                  | Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá (Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                            | 1,0        |
| 2.                  | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3,0        |
| 3.                  | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh Bắc Ninh, không bao gồm trụ sở chi nhánh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4,0        |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>100</b> |

Người có tài sản chấm điểm theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản trên.

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn sẽ là tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chuyên nghiệp và có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố, có số điểm cao nhất theo bảng chấm điểm nêu trên.

Trường hợp có từ 02 tổ chức đấu giá trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá ưu tiên lựa chọn tổ chức có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp có từ 02 tổ chức đấu giá trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau, cùng có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thì người có tài sản đấu giá ưu tiên lựa chọn tổ chức có số lượng cuộc đấu giá thành có mức chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá khởi điểm trên 10% nhiều hơn.

Trường hợp có từ 02 tổ chức đấu giá trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau, cùng có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, có số lượng cuộc đấu giá thành có mức chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá khởi điểm trên 10% bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

#### **4. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng bằng bản giấy, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại mục 3 thông báo này kèm theo bản tự chấm điểm theo các tiêu chí nêu trên.

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình.

*(Các đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ đăng ký nếu phát hiện trường hợp có sự gian dối trong hồ sơ đăng ký thì người có tài sản có quyền từ chối không chấm điểm đối với hồ sơ đó).*

#### **5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá:**

**Thời gian nhận hồ sơ:** Từ ngày 12/01/2025 đến hết ngày 15/01/2025 (nộp trong giờ hành chính).

**Hình thức nộp hồ sơ:** Hồ sơ đăng ký phải nộp trực tiếp tại địa điểm nộp hồ sơ (không nhận hồ sơ qua đường bưu điện).

*Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu còn hiệu lực của cơ quan, đơn vị cử đến (trong trường hợp người đến nộp hồ sơ không phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản), Căn cước công dân (hoặc Căn cước).*

**Địa điểm nộp hồ sơ:** Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- tỉnh Bắc Ninh, địa chỉ: thôn Hậu, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh. (Chấp hành viên: Nguyễn Minh Hoàng, số điện thoại 0984968909)/.

#### **Nơi nhận:**

- Trang TTĐT THADS Bắc Ninh;
- Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- Đường sự;
- Viện KSND KV3 -Bắc Ninh;
- Lưu: VT, HSTHA..

**CHẤP HÀNH VIÊN**



**Nguyễn Minh Hoàng**